

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2019/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số Điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia

Thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 01 tháng 6 năm 1998 (sau đây gọi tắt là “Hiệp định”);

Thực hiện Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 10 tháng 10 năm 2005 (sau đây gọi tắt là “Nghị định thư”);

Thực hiện Nghị định thư về việc sửa đổi Nghị định thư thực hiện Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường bộ ký ngày 26 tháng 02 năm 2019 (sau đây gọi tắt là “Nghị định thư 2019”);

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số Điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

"1. Danh sách các cặp cửa khẩu quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia.

Việt Nam	Campuchia
1. Lệ Thanh (Gia Lai)	1. O Za Dao (Rattanakiri)
2. Hoa Lư (Bình Phước)	2. Trapeang Sre (Kratie)
3. Xa Mát (Tây Ninh)	3. Trapeing Phlong (Kông Pông Chàm)
4. Mộc Bài (Tây Ninh)	4. Bà Vét (Svây Riêng)
5. Bình Hiệp (Long An)	5. Prây Vo (Svây Riêng)
6. Dinh Bà (Đồng Tháp)	6. Bon Tia Chắc Cây (Prey Veng)
7. Tịnh Biên (An Giang)	7. Phơ Nông Đơn (Tà Keo)
8. Hà Tiên (Kiên Giang)	8. Prek Chak (Kam Pôt)

2. Danh sách cặp cửa khẩu quốc gia giữa Việt Nam và Campuchia thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia được hai Bên ký kết cho phép thực hiện vận tải qua biên giới hai nước theo Nghị định thư 2005.

Việt Nam

Bu Prăng (Đắc Nông)

Campuchia

Đắc Đam (Mundulkiri)

3. Danh sách các cặp cửa khẩu khác giữa Việt Nam và Campuchia nếu được nâng cấp lên thành cửa khẩu quốc tế bởi Chính phủ hai nước sẽ được thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia.

Việt Nam**Campuchia**

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| 1. Đắc Peur (Đắc Nông) | 1. Nam Lea (Mondulkiri) |
| 2. Hoàng Diệu (Bình Phước) | 2. Lapakhe (Mondulkiri) |
| 3. Lộc Thịnh (Bình Phước) | 3. Tonle Cham (Tboung Khmum) |
| 4. Chàng Riệc (Tây Ninh) | 4. Dar (Tboung Khmum) |
| 5. Mỹ Quý Tây (Long An) | 5. Somrong (Svay Rieng) |
| 6. Thường Phước (Đồng Tháp) | 6. Koh Roka (Prey Veng) |
| 7. Khánh Bình (An Giang) | 7. Chrey Thum (Kandal) |
| 8. Vĩnh Xương (An Giang) | 8. Kaom Samnor (Kandal) |
| 9. Vĩnh Hội Đông (An Giang) | 9. Kampong Krosaing (Takeo) |
| 10. Giang Thành (Kiên Giang) | 10. Ton Hon (Kampot) |

4. Các phương tiện vận tải chỉ được ra/vào và qua bất kỳ cặp cửa khẩu quốc tế giữa hai nước và cặp cửa khẩu Bu Prăng/Đắc Đam.

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Phương tiện phi thương mại là ô tô chở người không quá 09 chỗ ngồi (kể cả người lái xe) và ô tô chở hàng hóa không thu tiền, bao gồm:

a) Phương tiện công vụ thuộc quyền sử dụng của các cơ quan, tổ chức gồm:

Phương tiện của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ;

Phương tiện của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam;

Phương tiện của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương và địa phương;

b) Phương tiện do người nước ngoài tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia);

c) Phương tiện cá nhân;

d) Phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp/hợp tác xã đó và không tham gia vận chuyển người và/hoặc hàng hóa có thu tiền;

đ) Phương tiện cứu hỏa, phương tiện cứu thương, phương tiện cứu hộ, phương tiện thực hiện sứ mệnh nhân đạo”.

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Trong trường hợp khẩn cấp, các phương tiện quy định tại điểm e khoản 3 Điều 1 của Thông tư này được miễn giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia khi qua lại biên giới giữa hai nước”.

4. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 16 như sau:

“đ) Phương tiện bị thu hồi hoặc bị tước phù hiệu, biển hiệu; đơn vị vận tải đang bị thu hồi hoặc bị tước giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bị thu hồi giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia”.

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 22 như sau:

“b) Thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia trên địa bàn địa phương và theo thẩm quyền; thực hiện báo cáo những phương tiện bị thu hồi hoặc bị tước phù hiệu, biển hiệu, đơn vị vận tải bị thu hồi hoặc bị tước giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện thu hồi giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia;”.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 9, khoản 4 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số Điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Nhật